

Chuẩn bị bước vào năm học mới đồng nghĩa với việc các kỳ thi kiểm tra chất lượng đầu vào sẽ diễn ra nhằm đánh giá sơ bộ năng lực của các em, từ đó có định hướng phân lớp và học tập phù hợp nhất.

Để phục vụ ôn thi chất lượng đầu năm, chúng tôi xin giới thiệu **bộ đề thi khảo sát chất lượng đầu năm môn Toán lớp 6 năm 2022 Phần 2** có đáp án và hướng dẫn giải chi tiết, đính kèm file tải về miễn phí. Mời các bạn tham khảo chi tiết dưới đây.

### **3 Bộ đề thi khảo sát chất lượng đầu năm lớp 6 môn Toán năm 2022 Phần 2**

Mời quý thầy cô và các em theo dõi chi tiết dưới đây:

#### **Đề Toán khảo sát chất lượng đầu năm lớp 6 năm 2022 số 1**

##### **I. Phần trắc nghiệm (3 điểm)**

Khoanh vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng

**Câu 1:** Chữ số 8 trong số thập phân 27,18 có giá trị là:

A. 80

B. 8

C.  $\frac{8}{10}$

D.  $\frac{8}{100}$

**Câu 2:** Biết 15% của một số bằng 24. Số đó là:

A. 3,6 B. 25 C. 120 D. 160

**Câu 3:** Số thích hợp để điền vào chỗ chấm 4 tấn 149kg = ... tấn là:

A. 4 149 000 B. 414 900 C. 41 490 D. 4149

**Câu 4:** Kết quả của phép tính 8 giờ 3 phút – 2 giờ 16 phút là:

A. 6 giờ 47 phút B. 5 giờ 47 phút C. 6 giờ 13 phút D. 5 giờ 13 phút

**Câu 5:** Một cái thùng tôn không nắp dạng hình hộp chữ nhật có chiều dài 1,2m; chiều rộng 1m và chiều cao 50dm. Diện tích tôn dùng để làm thùng (không tính mép hàn) là:

A.  $2,2m^2$  B.  $2,5m^2$  C.  $3m^2$  D.  $3,4m^2$

**Câu 6:** Một người đi xe máy với vận tốc 44 km/giờ. Sau 3 giờ 15 phút, người đó đi được quãng đường là:

A. 143km B. 150km C. 212km D. 230km

## II. Phần tự luận (7 điểm)

**Bài 1 (1 điểm):** Đặt tính rồi tính:

a) 4 giờ 30 phút x 8 b) 12 giờ 40 phút : 5

**Bài 2 (1 điểm):** Tìm X, biết:

a)  $0,05 \times X = 3,71 + 2,84$  b)  $X : 40 = 16,8 - 2,2$

**Bài 3 (1 điểm):** Tính diện tích của hình tròn có chu vi bằng 50,24dm.

**Bài 4 (2 điểm):** Một bể nước dạng hình hộp chữ nhật có tỉ số giữa chiều dài và chiều rộng là  $\frac{7}{3}$ . Biết chiều dài hơn chiều rộng 4m và chiều cao của bể nước bằng trung bình cộng độ dài chiều dài và chiều rộng. Tính thể tích của bể nước dạng hình hộp chữ nhật.

**Bài 5 (2 điểm):** Một ô tô và một xe máy khởi hành cùng lúc và ngược chiều nhau trên quãng đường AB. Ô tô đi với vận tốc 60km/giờ và xe máy đi với vận tốc 45km/giờ. Tính quãng đường AB, biết sau 2 giờ 20 phút hai xe gặp nhau.

## Đáp án chi tiết đề số 1:

### I. Phần trắc nghiệm

**Câu 1 Câu 2 Câu 3 Câu 4 Câu 5 Câu 6**

D D D B D A

**II. Phần tự luận****Bài 1:**

a) 4 giờ 30 phút x 8 b) 12 giờ 40 phút : 5

= 36 giờ

= 2 giờ 32 phút

**Bài 2:**

a)  $0,05 \times x = 3,71 + 2,84$

$0,05 \times x = 6,55$

$x = 6,55 : 0,05$

$x = 131$

b)  $x : 40 = 16,8 - 2,2$

$x : 40 = 14,6$

$x = 14,6 \times 40$

$x = 584$

**Bài 3:**

Bán kính của hình tròn là:

$50,24 : 3,14 : 2 = 8 \text{ (dm)}$

Diện tích của hình tròn là:

$8 \times 8 \times 3,14 = 200,96 \text{ (dm}^2\text{)}$

Đáp số: 200,96dm<sup>2</sup>**Bài 4:**

Hiệu số phần bằng nhau là:

$7 - 3 = 4 \text{ (phần)}$

Chiều dài của bể nước là:

$$4 : 4 \times 7 = 7 \text{ (m)}$$

Chiều rộng của bể nước là:

$$7 - 4 = 3 \text{ (m)}$$

Chiều cao của bể nước là:

$$(7 + 3) : 2 = 5 \text{ (m)}$$

Thể tích của bể nước là:

$$7 \times 3 \times 5 = 105 \text{ (m}^3\text{)}$$

Đáp số:  $105\text{m}^3$

### **Bài 5:**

Đôi 2 giờ 20 phút = 2,3 giờ

Tổng vận tốc của 2 xe là:

$$60 + 45 = 105 \text{ (km/giờ)}$$

Độ dài quãng đường AB là:

$$105 \times 2,3 = 241,5 \text{ (km)}$$

Đáp số: 241,5km

## **Đề thi khảo sát chất lượng đầu năm lớp 6 môn Toán năm 2022 số 2**

### **I. Phần trắc nghiệm (2,0 điểm)**

**Câu 1:** Kết quả của phép tính  $14,25 - 0,36 \times 10$  là:

A. 106,5 B. 138,9 C. 13,89 D. 10,65

**Câu 2:** Số thập phân gồm: bảy mươi chín đơn vị, ba phần trăm được viết là:

A. 79,30 B. 79,03 C. 79,300 D. 79,003

**Câu 3:** Diện tích hình thang có độ dài đáy bé bằng 15cm, độ dài đáy lớn bằng 20cm và chiều cao bằng 18cm là:

A.  $270\text{cm}^2$  B.  $497\text{cm}^2$  C.  $315\text{cm}^2$  D.  $630\text{cm}^2$

**Câu 4:** Quãng đường AB dài 15km. Lúc 7 giờ, bạn Hoa đi xe đạp từ A đến B với vận tốc 12km/giờ và đến 7 giờ 45 thì nghỉ một lúc. Hỏi bạn Hoa còn cách B bao nhiêu ki-lô-mét?

A. 3km B. 4km C. 5km D. 6km

## II. Phần tự luận (8,0 điểm)

**Câu 1 (2,0 điểm):** Đặt tính rồi tính:

a) 4 giờ 26 phút + 3 giờ 55 phút b) 5 giờ 12 phút x 7

**Câu 2 (1,0 điểm):** Tính bằng cách thuận tiện nhất:

a)  $14,9 \times 5,5 + 14,9 \times 4,5$  b)  $16,25 \times 4 - 16,25 \times 3$

**Câu 3 (2,0 điểm):** Tìm X, biết:

a)  $X - 2,7 = 5,6$  b)  $X + 5,3 = 7,6$

b)  $X \times 4 = 19,6$  c)  $X : 2,5 = 14$

**Câu 4 (1,5 điểm):** Khối 6 của một trường THCS có 216 học sinh. Biết số học sinh nam bằng  $\frac{2}{7}$  số học sinh nữ. Tính số học sinh nam và số học sinh nữ của khối lớp 6.

**Câu 5 (1,5 điểm):** Một phòng học dạng hình hộp chữ nhật có chiều dài 10m, chiều rộng 8m, chiều cao bằng  $\frac{2}{9}$  tổng chiều dài và chiều rộng. Hỏi phòng học chứa bao nhiêu mét khối không khí, biết rằng thể tích của các đồ vật trong phòng là  $5m^3$ .

**Câu 6 (0,5 điểm):** Bạn Cúc viết các dãy số 0, 2, 4, 6, ..., 2020, 2022. Hỏi bạn Cúc đã dùng bao nhiêu chữ số để viết được dãy số trên?

**Đáp án chi tiết đề số 2:**

**I. Phần trắc nghiệm**

Câu 1: D Câu 2: B Câu 3: C Câu 4: D

**II. Phần tự luận**

**Câu 1:** Học sinh tự đặt phép tính rồi tính:

a)  $4 \text{ giờ } 26 \text{ phút} + 3 \text{ giờ } 55 \text{ phút} = 8 \text{ giờ } 21 \text{ phút}$

b)  $5 \text{ giờ } 12 \text{ phút} \times 7 = 36 \text{ giờ } 24 \text{ phút}$

**Câu 2:**

a)  $14,9 \times 5,5 + 14,9 \times 4,5 = 14,9 \times (5,5 + 4,5) = 14,9 \times 10 = 149$

b)  $16,25 \times 4 - 16,25 \times 3 = 16,25 \times (4 - 3) = 16,25 \times 1 = 16,25$

**Câu 3:**

a)  $X - 2,7 = 5,6$  b)  $X + 5,3 = 7,6$

$X = 5,6 + 2,7$      $X = 7,6 - 5,3$

$$X = 8,3 \quad X = 2,3$$

$$\text{b) } X \times 4 = 19,6 \quad \text{c) } X : 2,5 = 14$$

$$X = 19,6 : 4 \quad X = 14 \times 2,5$$

$$X = 4,9 \quad X = 35$$

**Câu 4:**

Tổng số phần bằng nhau là:

$$2 + 7 = 9 \text{ (phần)}$$

Số học sinh nữ là:

$$216 : 9 \times 7 = 168 \text{ (học sinh)}$$

Số học sinh nam là:

$$216 - 168 = 48 \text{ (học sinh)}$$

Đáp số: Học sinh nữ: 168 học sinh

Học sinh nam: 48 học sinh

**Câu 5:**

Tổng chiều dài và chiều rộng của phòng học là:

$$10 + 8 = 18 \text{ (m)}$$

Chiều cao của phòng học là:

$$18 : 9 \times 2 = 4 \text{ (m)}$$

Thể tích của phòng học là:

$$10 \times 8 \times 4 = 320 \text{ (m}^3\text{)}$$

Tổng số mét khối không khí trong phòng học là:

$$320 + 5 = 325 \text{ (m}^3\text{)}$$

Đáp số:  $325\text{m}^3$

**Câu 6:**

Bạn Cúc đã viết dãy số gồm các số chẵn liên tiếp nhau bắt đầu từ số 0 đến số 2022.

Số chữ số dùng để viết số có một chữ số là 5 chữ số.

Số chữ số có hai chữ số được viết trong dãy số là:  $(98 - 10) : 2 + 1 = 45$  số

Số chữ số dùng để viết số có hai chữ số là:  $2 \times 45 = 90$  (chữ số)

Số chữ số có ba chữ số được viết trong dãy số là:  $(998 - 100) : 2 + 1 = 450$  số

Số chữ số dùng để viết số có ba chữ số là:  $3 \times 450 = 1350$  (chữ số)

Số chữ số có bốn chữ số được viết trong dãy số là:  $(2022 - 1000) : 2 + 1 = 512$  số

Số chữ số dùng để viết số có bốn chữ số là:  $4 \times 512 = 2048$  (chữ số)

Tổng số chữ số Cúc phải dùng là:  $5 + 90 + 1350 + 2048 = 3493$  (chữ số).

**Đề khảo sát chất lượng đầu năm lớp 6 năm 2022 môn Toán số 3****I. Phần trắc nghiệm (3 điểm)**

Khoanh vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng

**Câu 1:** Hỗn số  $3\frac{4}{5}$  được viết dưới dạng số thập phân là:

A. 3,4

B. 3,8

C. 4,5

D. 3,45

**Câu 2:** 80% của 700 có giá trị bằng:

A. 560 B. 1250 C. 700 D. 810



**Câu 3:** Số thích hợp để điền vào chỗ chấm  $7\text{m}^3 400\text{dm}^3 = \dots \text{m}^3$  là:

A. 7400 B. 740 C. 7,4 D. 0,74

**Câu 4:** Số thập phân lớn nhất trong các số thập phân 1,2; 1,44; 1,15; 1,67 là:

A. 1,15 B. 1,2 C. 1,67 D. 1,44

**Câu 5:** Diện tích hình bình hành có độ dài đáy bằng 10cm và chiều cao bằng 7cm là:

A.  $20\text{m}^2$  B.  $34\text{m}^2$  C.  $35\text{m}^2$  D.  $70\text{m}^2$

**Câu 6:** Diện tích toàn phần của hình lập phương có cạnh bằng 6cm là:

A.  $288\text{cm}^2$  B.  $216\text{cm}^2$  C.  $144\text{cm}^2$  D.  $72\text{cm}^2$

## II. Phần tự luận (7 điểm)

**Bài 1 (1 điểm):** Đặt tính rồi tính:

a) 3 giờ 14 phút + 5 giờ 58 phút b) 240 giây : 2,4

**Bài 2 (1 điểm):** Tìm  $x$ , biết:

a)  $x + 7,4 = 2,28 \times 3,5$

b)  $x - 4,56 = 17,8 : 2$

**Bài 3 (1 điểm):** Tính diện tích xung quanh, diện tích toàn phần và thể tích của hình hộp chữ nhật có chiều dài 4dm, chiều rộng 2,5dm và chiều cao 3,2dm.

**Bài 4 (2 điểm):** Một mảnh đất hình thang có tổng độ dài hai đáy bằng 160m và chiều cao bằng  $\frac{2}{5}$  tổng độ dài hai đáy.

a) Tính diện tích của mảnh đất hình thang.

b) Người ta sử dụng 80% diện tích mảnh đất để trồng cây và diện tích còn lại dùng để làm nhà. Tính diện tích phần đất dùng để làm nhà.

**Bài 5 (2 điểm):** Một xe máy khởi hành từ tỉnh A đến tỉnh B lúc 6 giờ với vận tốc 48km/giờ. Đến 13 giờ 15 phút cùng ngày, xe máy tới tỉnh B. Tính độ dài quãng đường AB biết dọc đường xe máy có nghỉ lại 25 phút.

### Đáp án chi tiết đề số 3:

#### I. Phần trắc nghiệm

Câu 1 Câu 2 Câu 3 Câu 4 Câu 5 Câu 6

B A C C D B

#### II. Phần tự luận

##### Bài 1:

a) 3 giờ 14 phút + 5 giờ 58 phút b) 240 giây : 2,4

= 9 giờ 12 phút

= 100 giây

##### Bài 2:

$$\text{a) } x + 7,4 = 2,28 \times 3,56$$

$$x + 7,4 = 7,98$$

$$x = 7,98 - 7,4$$

$$x = 0,58$$

$$\text{b) } x - 4,56 = 17,8 : 2$$

$$x - 4,56 = 8,9$$

$$x = 8,9 + 4,56$$

$$x = 13,46$$

##### Bài 3:

Diện tích xung quanh của hình hộp chữ nhật là:

$$(4 + 2,5) \times 2 \times 3,2 = 41,6 \text{ (dm}^2\text{)}$$

Diện tích toàn phần của hình hộp chữ nhật là:

$$41,6 + 4 \times 2,5 \times 2 = 61,6 \text{ (dm}^2\text{)}$$

Thể tích của hình hộp chữ nhật là:

$$4 \times 2,5 \times 3,2 = 32 \text{ (dm}^3\text{)}$$

Đáp số: Diện tích xung quanh:  $41,6\text{dm}^2$

Diện tích toàn phần:  $61,6\text{dm}^2$

Thể tích:  $32\text{dm}^3$

#### **Bài 4:**

a) Chiều cao của mảnh đất hình thang là:

$$160 \times 2 : 5 = 64 \text{ (m)}$$

Diện tích của mảnh đất hình thang là:

$$160 \times 64 : 2 = 5120 \text{ (m}^2\text{)}$$

b) Diện tích phần đất dùng làm nhà chiếm số phần trăm là:

$$100\% - 80\% = 20\%$$

Diện tích phần đất dùng để làm nhà là:

$$5120 \times 20 : 100 = 1024 \text{ (m}^2\text{)}$$

Đáp số:  $1024\text{m}^2$

#### **Bài 5:**

Thời gian xe máy đi từ A đến B là:

13 giờ 15 phút – 6 giờ - 25 phút = 6 giờ 50 phút

Đổi 6 giờ 50 phút =            giờ

Độ dài quãng đường AB là:

$$48 \times 41 : 6 = 328 \text{ (km)}$$

Đáp số: 328km